

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 1018/QĐ-CT

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ- CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ- CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số: 62/TTr-SKHĐT ngày 20 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 34 danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, trong đó: 16 danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh, 16 danh mục thủ tục hành chính cấp huyện, 02 danh mục thủ tục hành chính cấp xã (Có phụ lục kèm theo).

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng UBND tỉnh và đơn vị xây dựng phần mềm rà soát, chuẩn hóa, tạo dịch vụ phần mềm, tích hợp, đồng bộ dữ liệu trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia đối với 34 danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 nêu trên và đôn đốc Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế, bãi bỏ các danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của Sở Giáo dục và Đào tạo đã được công bố tại Quyết định số: 133/QĐ-CT ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh và các Quyết định trước đây của Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của ngành Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Việt Văn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4 CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC
(Kèm theo Quyết định số: 1018/QĐ-CT ngày 27 tháng 5 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	
			Mức độ 3	Mức độ 4
I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC				
1	1.006388.00 0.00.00.H62	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục		4
2	1.006389.00 0.00.00.H62	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)		4
3	3.000181.00 0.00.00.H6	Tuyển sinh trung học phổ thông		4
4	1.000270.00 0.00.00.H62	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông		4
5	1.001088.00 0.00.00.H62	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học		4
II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC				
6	1.005053.00 0.00.00.H62	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học		4
7	1.005036.00 0.00.00.H62	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)		4
8	1.005061.00 0.00.00.H62	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học		4
III. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI				
9	1.008722.00 0.00.00.H62	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		4
10	1.008723.00 0.00.00.H62	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động		4

		không vì lợi nhuận		
IV. LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH				
11	1.005142.00 0.00.00.H62	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông		4
12	1.005095.00 0.00.00.H62	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp		4
13	1.005090.00 0.00.00.H62	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông		4
V. LĨNH VỰC VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ				
14	2.001914.00 0.00.00.H62	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ		4
15	1.004889.00 0.00.00.H62	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam		4
16	1.005092.00 0.00.00.H62	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc		4

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	
			Mức độ 3	Mức độ 4
I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON				
1	1.004494.00 0.00.00.H62	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục		4
2	1.004515.00 0.00.00.H62	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)		4
II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC				
3	1.004555.00 0.00.00.H62	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục		4
4	1.001639.00 0.00.00.H62	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)		4
5	1.005099.00 0.00.00.H62	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học		4
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC				
6	1.004442.00 0.00.00.H62	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục		4

7	2.001818.00 0.00.00.H62	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)		4
8	3.000182.00 0.00.00.H62	Tuyển sinh trung học cơ sở		4
9	1.004831.00 0.00.00.H62	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở		4
IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN				
10	1.008724.00 0.00.00.H62	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		4
11	1.008725.00 0.00.00.H62	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		4
12	1.001622.00 0.00.00.H62	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo		4
13	1.008950.00 0.00.00.H62	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp		4
14	1.008951.00 0.00.00.H62	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp		4
V. LĨNH VỰC VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ				
15	1.005092.00 0.00.00.H62	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc		4
16	2.001914.00 0.00.00.H62	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ		4

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	
			Mức độ 3	Mức độ 4
1	1.004492.00 0.00.00.H62	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		4
2	2.001810.00 0.00.00.H62	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)		4

Tổng số: 34 thủ tục hành chính